

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 121/2024/HSST
Ngày: 29-01-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận

Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện VKSND thành phố Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 135/2023/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2023; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Minh S, sinh năm 1982; Giới tính: Nam

HKTT: Số 396 H, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, đã chết và Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: + Ngày 31/3/1998 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp tài sản công dân (Bản án số 31/HS/ST ngày 31/3/1998).

+ Ngày 21/6/2001 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 31/HS/ST ngày 31/3/1998 là 36 tháng (Bản án số 60/HSST ngày 21/6/2001).

+ Ngày 20/10/2004 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ (Bản án số 149/HSST ngày 20/10/2004).

+ Ngày 11/11/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 255/2008/HSST ngày 11/11/2008). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/6/2011.

+ Ngày 16/01/2015 bị Công an thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích.

+ Ngày 30/6/2017 bị Công an phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị can bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 18/10/2023. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Nguyễn Duy C, sinh năm 1983; Giới tính: Nam
HKTT và Nơi ở hiện nay: Lô 127 MBQH 90, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy S (đã chết) và Mai Thị H, sinh năm 1957; Có vợ là Trần Thị N (Đã ly hôn).

Tiền án: Ngày 29/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 08 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (Bản án số 58/2021/HSST ngày 29/9/2021). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/7/2022.

Tiền sự: Ngày 19/4/2023 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 173 ngày 19/4/2023). Chấp hành xong ngày 21/4/2023.

Nhân thân:

+ Ngày 25/8/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 134/2005/HSST ngày 25/8/2005).

+ Ngày 23/11/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 313/2009/HSST ngày 23/11/2009).

+ Ngày 17/02/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 08 tháng về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 41/2011/HSST ngày 17/02/2011).

+ Ngày 06/01/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản mà có (Bản án số 01/2015/HSST ngày 06/01/2015).

+ Ngày 11/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng, kể từ ngày 31/01/2019 (Quyết định số 20/QĐ-TA ngày 11/3/2019). Chấp hành xong ngày 30/9/2020.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/10/2023. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa. Có mặt.

Bị hại: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 73 T, phường A, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1965 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ, ngày 01/9/2023, Nguyễn Minh S điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter, BKS 36B7-213.343 đi trên đường Lê Thánh T, phường Đ, thành phố H thì gặp Nguyễn Duy C đang đi bộ trên đường. S rủ C đi trộm cắp tài sản, C đồng ý nên lên xe

Sơn ngòi, cả hai lang thang trên địa bàn thành phố H. Khi đi đến trước xưởng đá Đ ở phố T, phường A, cả hai quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 36B1-201.99 để ở ven đường, không có người trông coi, chìa khóa đang cắm sẵn ở ổ khóa. C nhảy xuống xe S, đi lại bật chìa khóa điện nổ máy bỏ chạy. Đến bờ sông N, phường Q, S và C dừng lại kiểm tra không thấy gì trong cốp xe nên đem xe đến nhà anh Phạm Văn Tr cầm cố lấy 2.900.000 đồng. Khi cầm cố xe, C nói là tài sản của mình nên anh Tr đã đồng ý. Số tiền cầm cố xe, cả hai tiêu sài cá nhân hết 1.100.000 đồng, số tiền còn lại chia nhau, C được 800.000 đồng, S được 1.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Th, khai báo chiếc xe thuộc quyền sở hữu của chị. Chị Th mua chiếc xe này vào năm 2011 với giá 16.000.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 102/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2023, Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa đã định giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 36B1-201.99 có giá trị là 6.000.000đ.

Đối với Phạm Văn Tr là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô C, S trộm cắp được. Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố, Tr không biết đó là tài sản trộm cắp. Sau khi biết sự việc đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra xử lý theo quy định, nên hành vi của Phạm Văn Tr không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Exciter, BKS 36B7-213.343 S sử dụng là do Sơn mượn của anh Dương Ngọc D. Anh D không biết việc S mượn xe để đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ và xử lý: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 36B7-213.343 màu đỏ - đen, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 36B1-201.99, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản trộm cắp, không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn Tr yêu cầu bồi thường số tiền 2.900.000 đồng đã cho các bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp.

Tại cáo trạng số 68/CT-VKS, ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố Nguyễn Duy C và Nguyễn Minh S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh S.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy C

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh S và Nguyễn Duy C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Minh S mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù.

Nguyễn Duy C mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù;

Về phần bồi thường dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn Tr số tiền là 2.900.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe yếu, bị HIV giai đoạn cuối, không đi lại được. Đơn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận:

Khoảng 08 giờ, ngày 01/9/2023 tại trước xưởng đá Đ ở phố T, phường A, thành phố Thanh Hóa, Nguyễn Văn S và Nguyễn Duy C đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, BKS 36B1-201.99, trị giá 6.000.000 đồng của chị Lê Thị Th. Sau đó mang đi cầm cố cho Phạm Văn Tr lấy số tiền 2.900.000 đồng, tiêu sài và chia nhau sử dụng.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Quyết định truy tố và lời luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Nguyễn Minh S và Nguyễn Duy C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Các bị cáo là người có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu tu chí làm ăn, lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu đã lén lút trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện tính táo bạo, liều lĩnh, gây dư luận xấu trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Do

đó phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, không có sự câu kết, phân công nhiệm vụ. Bị cáo S là người khởi sự nên có vai trò chính, bị cáo C có vai trò sau nhưng có 01 tiền án nên phải chịu mức án ngang nhau.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Duy C có 01 tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh S không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị xét xử nhiều lần về hành vi xâm phạm sở hữu.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên được áp dụng chung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo S đã đến cơ quan điều tra đầu thú nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về phần dân sự:

Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Anh Phạm Văn Tr yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 2.900.000 đồng đã cho các bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp. Số tiền này các bị cáo đã chi tiêu chung là 1.100.000 đồng, số tiền còn lại C được chia 800.000 đồng, S được chia 1.000.000 đồng. Do đó các bị cáo phải trả lại mỗi người 1 nửa số tiền chi tiêu chung và số tiền được chia. Bị cáo C phải trả 1.350.000đ; Bị cáo S phải trả 1.550.000đ.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Minh S.

Khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy C.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh S và Nguyễn Duy C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Minh S 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành bản án.

- Bị cáo Nguyễn Duy C 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/10/2023.

Về dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Minh S phải trả cho anh Phạm Minh Tr số tiền 1.550.000đ; Buộc bị cáo Nguyễn Duy C phải trả cho anh Phạm Minh Tr số tiền 1.350.000đ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng đối với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21; điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14. Mỗi Bị cáo phải nộp mỗi bị cáo 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP H;
- Công an TP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Trương Thị Anh